

Bản án số: 20/2018/KDTM-PT

Ngày: 10-7-2018

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận chuyển

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyến

Ông Lê Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Mai Văn Sinh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 02 và 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLPT-KDTM, ngày 22 tháng 3 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận chuyển*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2018/KDTM-ST, ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2018/QĐ-PT, ngày 22 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 56/2018/QĐ-PT, ngày 22 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

Địa chỉ: phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hoàng M - Giám đốc.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn P.

Địa chỉ: phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông C - Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc và bà S - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều O - Giám đốc HC-NS;

2. Ông Đoàn Công D - Giám đốc Pháp chế và Tuân thủ;

3. Bà Trần Hồ Quỳnh T - Nhân viên pháp chế.

Cùng địa chỉ liên hệ: phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 26/10/2016, 07/12/2016 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Phạm Hoàng M là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn H (sau đây gọi tắt là Công ty H) và Công ty trách nhiệm hữu hạn P (sau đây gọi tắt là Công ty P) là đối tác thường xuyên từ năm 2011, về việc Công ty H trang bị phương tiện xe ô tô, tài xế để chở cán bộ công nhân viên của Công ty P theo sự điều động của Công ty P.

Ngày 15/07/2016, hai bên tiếp tục ký hợp đồng vận chuyển số: MPV-SCD/100/2016, hiệu lực trong thời hạn 02 năm (từ ngày 21/7/2016 đến ngày 21/7/2018). Theo nội dung hợp đồng, Công ty H cung cấp cho Công ty P 05 chiếc xe Innova 08 chỗ ngồi (trong đó 03 xe năm sản xuất 2015 và 02 xe năm sản xuất 2016) và 01 xe Ford Transit 16 chỗ ngồi năm sản xuất 2016. Cước phí thuê xe cụ thể như sau:

- Loại xe Innova 8 chỗ ngồi: 24.400.000 đồng, thời gian sử dụng xe từ 06 giờ - 18 giờ, số km định mức là 2.600km;

- Loại xe Ford Transit 16 chỗ ngồi: 28.500.000 đồng, thời gian sử dụng từ 06 giờ - 18 giờ, số km định mức là 2.200km;

- Sử dụng xe ngày thứ 7, chủ nhật và ngày lễ: 1.100.000 đồng, thời gian sử dụng từ 06 giờ - 18 giờ.

Ngoài ra, hợp đồng còn thỏa thuận việc sử dụng xe ngoài giờ, số km vượt định mức, việc điều chỉnh giá xe theo giá xăng, thời hạn thanh toán, trách nhiệm của các bên trong hợp đồng.

Theo Điều 2 của hợp đồng nêu trên và thông lệ giữa hai bên, Công ty H nhận vận chuyển đưa rước cán bộ - công nhân viên của Công ty P theo lộ trình được sắp xếp và điều động của Công ty P. Tuy nhiên, vào ngày 21/7/2016 (ngày có hiệu lực của hợp đồng), Công ty H không nhận được lệnh điều xe từ Công ty P. Ngày 22/7/2016, Công ty H đã gửi văn bản số: 28/CV-HH/2016, ngày 22/7/2016 để cung cấp cho Công ty P thông tin họ tên, số điện thoại di động của các tài xế lái xe thực hiện việc lái xe cho hợp đồng số: MPV –SCD/100/2016, ngày 15/7/2016, số điện thoại di động của người đại diện theo pháp luật của Công ty H, nhưng Công ty P không trả lời.

Ngày 26/8/2016, Công ty H nhận được thông báo số: 318/16/MAP-ADM, ngày 26/8/2016 của Công ty P về việc chấm dứt hợp đồng số: MPV–SCD/100/2016, ngày 15/7/2016 do Công ty H vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ, không cho xe đến để thực hiện việc đưa đón cán bộ công nhân viên của Công ty P. Ngày 31/8/2016, Công ty H gửi cho Công ty P hóa đơn

hàng hóa dịch vụ từ ngày 21/7/2016 đến ngày 20/8/2016 và văn bản số: 37/CV-HH/2016, ngày 31/8/2016, với nội dung yêu cầu thanh toán tiền cước thuê xe tháng phát sinh nhưng Công ty P vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Nay Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty P có nghĩa vụ thanh toán tiền cước thuê xe 01 tháng tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày Công ty H nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng với số tiền là 165.550.000 đồng và bồi thường theo hợp đồng 03 tháng nhân cước thuê bao tháng với số tiền là 451.500.000 đồng. Công ty H không đồng ý với yêu cầu phản tố của Công ty P, về việc yêu cầu Công ty H bồi thường số tiền ba tháng nhân cước thuê bao tháng là 451.500.000 đồng.

Theo nội dung đơn phản tố ngày 28/6/2017, 14/7/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Công ty P thống nhất với Công ty H về việc ký hợp đồng vận chuyển số: MPV-SCD/100/2016, ngày 15/7/2016, có hiệu lực trong thời hạn 02 năm (từ ngày 21/7/2016 đến ngày 21/7/2018). Trước khi ký hợp đồng, các bên là đối tác từ năm 2011, theo đó Công ty H cung cấp xe và tài xế để thực hiện việc chuyên chở cán bộ công nhân viên của Công ty P. Theo thông lệ, Công ty H đưa xe đến chờ cán bộ công nhân viên của Công ty P ngay sau khi ký hợp đồng vận chuyển; trong trường hợp có sự thay đổi lộ trình vận chuyển, Công ty P mới thông báo cho Công ty H. Vào ngày 21/7/2017, Công ty H không điều xe đến để đưa đón cán bộ công nhân viên Công ty P là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng.

Ngày 22/7/2016, Công ty P nhận được văn bản số: 28/CV-HH/2016, ngày 22/7/2016 của Công ty H về việc yêu cầu Công ty P điều xe. Tuy nhiên, Công ty H phải đưa xe đến Công ty P để công ty thực hiện việc điều xe nên đã không trả lời Công ty H.

Nay Công ty P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty H và có yêu cầu phản tố buộc Công ty H phải bồi thường cho Công ty P số tiền 451.500.000 đồng tương đương 03 tháng nhân cước thuê bao tháng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2018/KDTM-ST, ngày 12 tháng 01 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố B căn cứ các Điều 30, 35, 184, 185, 203, 220, 235, 259 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 4 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 3, Điều 4, Điều 12, Điều 303, Điều 306 và Điều 319 Luật thương mại 2005; Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, nộp, miễn, giảm quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H. Buộc Công ty P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty H số tiền 617.050.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty P về việc yêu cầu Công ty H bồi thường số tiền 451.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/01/2018, bị đơn Công ty P kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Công ty H xác định không cho xe đến đón công nhân viên Công ty P vào ngày 21/7/2016 là do Công ty P không thực hiện việc điều xe là trái với thực tế quá trình thực hiện hợp đồng vận chuyển giữa 02 bên đã giao kết và không đúng với “thói quen trong hoạt động” diễn ra thường ngày suốt 05 năm giữa 02 công ty.

Công ty H không chứng minh được việc chuyển giao hợp đồng số: MPV–SCD/100/2016 và cũng không thông báo cập nhật thông tin xe, lái xe và số điện thoại lái xe cho Công ty P khi hợp đồng phát sinh hiệu lực. Mặt khác, tại văn bản số: 27/CV-HH/2016, ngày 20/7/2016, thể hiện Công ty H không đồng ý gia hạn việc thực hiện hợp đồng cũ, cùng với việc vào ngày 21/7/2016, Công ty H cũng không cho xe đến các địa điểm đưa rước cán bộ công nhân viên của Công ty P theo lộ trình mà các bên đã thực hiện trước đó. Do đó, Công ty H đã đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng với Công ty P. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty P, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty P: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty P rút toàn bộ yêu cầu phản tố và được Công ty H đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của Công ty P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của Công ty P:

Các bên thống nhất, từ năm 2011, giữa Công ty H và Công ty P đã ký kết đồng vận chuyển; theo đó, Công ty H cung cấp dịch vụ vận chuyển là xe, tài xế để đưa đón cán bộ công nhân viên của Công ty P. Ngày 15/7/2016, hai bên tiếp tục ký

hợp đồng vận chuyển số: MPV–SCD/100/2016, thời hạn hợp đồng là 02 năm, có hiệu lực kể từ ngày 21/7/2016 đến ngày 21/7/2018.

Theo Công ty H trình bày, vào ngày hợp đồng có hiệu lực, Công ty H không cho xe đến đón công nhân viên Công ty P với lý do Công ty P không điều xe. Theo Công ty P trình bày, trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, Công ty P không nhận được danh sách xe và tài xế, không được nhận lại hợp đồng có ký tên và đóng dấu của Công ty H; đồng thời, vào thời điểm hợp đồng có hiệu lực, Công ty H không cho xe đến đón công nhân viên của Công ty P tại các địa điểm cũ, cũng không cho xe đến trụ sở để Công ty P điều xe nên Công ty P cho rằng Công ty H hủy hợp đồng. Do đó, Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty P thanh toán tiền cước xe 01 tháng tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày 31/8/2016 là 165.550.000 đồng và bồi thường 03 tháng nhân với cước thuê tháng cho mỗi xe được chấm dứt là 451.500.000 đồng, tổng cộng là 617.050.000 đồng do vi phạm hợp đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty H xác định, ngày 19/7/2016, Công ty H nhận được hợp đồng vận chuyển số: MPV–SCD/100/2016 đã được ký và đóng dấu của Công ty P. Sau khi nhận hợp đồng, đại diện Công ty H đã ký tên, đóng dấu và chuyển lại cho Công ty P vào ngày 20/7/2016 qua đường bưu điện. Tuy nhiên, Công ty P xác định nhận được hợp đồng đã được người đại diện Công ty H ký và đóng dấu sau khoảng 01 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Xét lời trình bày của Công ty H là không có cơ sở vì theo phiếu gửi Công ty H cung cấp cho Tòa án thể hiện ngày gửi là ngày 22/7/2016 (sau ngày có hiệu lực của hợp đồng) và nội dung phiếu gửi là “Q Trọng”, không thể hiện gửi văn bản gì. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời khai của Công ty P về việc Công ty H không ký hợp đồng chuyển cho Công ty P trước ngày có hiệu lực của hợp đồng.

Tuy hợp đồng vận chuyển số: MPV–SCD/100/2016 được Công ty P ký vào ngày 19/7/2016, nhưng Công ty P không đồng ý với các điều khoản trong hợp đồng, yêu cầu Công ty H giảm giá và đề nghị gia hạn hợp đồng số: MPV-ADM/14/2015, ngày 21/7/2015 thêm 01 tháng là thể hiện ý chí Công ty P muốn thay đổi nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng số: MPV–SCD/100/2016. Tại Công văn số: 27/CV-HH/2016, ngày 20/7/2016, Công ty H gửi cho Công ty P thể hiện “*Công ty H không đồng ý với đề xuất gia hạn hợp đồng số: MPV-ADM/14/2015, ngày 21/7/2015 thêm 01 tháng. Nếu hợp đồng mới (với một số nội dung đã được thỏa thuận giữa 02 bên) không được Công ty P thông qua thì Công ty H ngưng thực hiện hợp đồng số: MPV-ADM/14/2015, ngày 21/7/2015 đến hết ngày 20/7/2016*”. Như vậy, căn cứ vào nội dung trên, Công ty H đã xác định đến thời điểm ngày 20/7/2016, Công ty P và Công ty H đều chưa thống nhất được các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng số: MPV–SCD/100/2016 và Công ty H đã thể hiện ý chí chấm dứt thực hiện hợp đồng với Công ty P. Do đó, hợp đồng vận chuyển số: MPV–SCD/100/2016 trên thực tế chưa phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Theo nội dung hợp đồng vận chuyển số: MPV –SCD/100/2016, các bên không thỏa thuận chi tiết về hình thức điều xe, không quy định cụ thể về địa điểm

đưa đón cán bộ công nhân viên. Theo khoản 5 Điều 2 của hợp đồng quy định: “*Lộ trình tuyến đi, cự ly tuyến, trạm đón trả nhân viên trên tuyến, giờ đón tại các trạm cũng như loại xe đưa rước có thể thay đổi khi có sự nhất trí của hai bên*”. Như vậy, căn cứ quy định trên và căn cứ vào thói quen, thông lệ giữa các bên đã đủ cơ sở xác định, lộ trình việc đưa đón công nhân viên của Công ty P đã được Công ty H biết rõ vì các bên thực hiện hợp đồng liên tục từ năm 2011 đến ngày 20/7/2016, trong trường hợp có thay đổi lộ trình thì Công ty P mới có nghĩa vụ thông báo cho Công ty H. Do đó, lời trình bày của Công ty P về việc các bên áp dụng theo thói quen thương mại từ năm 2011 đến nay giữa các bên là có cơ sở; theo đó, hàng ngày Công ty H cho xe đến đón công nhân viên của Công ty P. Mặt khác, Công ty H yêu cầu Công ty P phải điều xe nhưng vào ngày hợp đồng mới có hiệu lực, Công ty H không cung cấp danh sách xe, tài xế hoặc đưa xe đến trụ sở để Công ty P điều xe. Như vậy, Công ty P không thể thực hiện việc điều xe do Công ty H không cung cấp đủ thông tin xe, lái xe và số điện thoại lái xe.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H về việc buộc Công ty P thanh toán tiền cước xe 01 tháng là 165.550.000 đồng và bồi thường 03 tháng nhân với cước thuê tháng cho mỗi xe được chấm dứt là 451.500.000 đồng là không có cơ sở.

Đối với việc Công ty P phản tố yêu cầu Công ty H bồi thường theo hợp đồng 03 tháng nhân cước thuê một tháng với số tiền 451.500.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty P rút toàn bộ yêu cầu phản tố và được đại diện Công ty H đồng ý. Căn cứ Điều 299, khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn, hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của Công ty P.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty P; sửa một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty H, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H; hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của Công ty P.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Công ty P không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là: $20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times (617.050.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) = 28.682.000 \text{ đồng}$; Công ty P phải chịu án phí sơ thẩm đối với việc rút yêu cầu phản tố tại phiên tòa phúc thẩm là: $20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times (451.500.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) = 22.060.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 299; khoản 2 và khoản 4 Điều 308; Điều 309 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn P.

Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2018/KDTM-ST, ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn H và hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2018/KDTM-ST, ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B đối với yêu cầu phản tố của Công ty trách nhiệm hữu hạn P.

- Áp dụng khoản 1 Điều 3, Điều 4, Điều 12, Điều 303 Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn H về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn P thanh toán tiền cước xe là 165.550.000 đồng và bồi thường số tiền 451.500.000 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của Công ty trách nhiệm hữu hạn P về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn H bồi thường số tiền 451.500.000 đồng.

3. Về án phí:

Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 28.682.000 đồng. Được tính trừ vào số tiền 14.341.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai số: 003263, ngày 27/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B), Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải nộp tiếp số tiền án phí là 14.341.000 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 22.060.000 đồng. Được tính trừ vào số tiền 11.030.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai số: 002263, ngày 28/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B) và số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo Biên lai số: 006365, ngày 07/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B), Công ty trách nhiệm hữu hạn P phải nộp tiếp số tiền án phí là 9.030.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Triệu Thị Huỳnh Hoa